

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO BẰNG
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2017/DS-ST

Ngày: 29/5/2017

V/v: *Tranh chấp hợp đồng dân sự*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO BẰNG - TỈNH CAO BẰNG**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thúy Hằng**

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lưu Danh Thùy

2. Ông Long Văn Thanh

Thư ký phiên tòa: Bà **Bùi Thị Hà Trung** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng không tham gia phiên tòa. (Vì vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát phải tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015).

Ngày 29 tháng 5 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2017/TLST-DS ngày 04 tháng 01 năm 2017 về "Tranh chấp hợp đồng dân sự" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2017/QĐXX - ST ngày 12 tháng 5 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T - Sinh năm 1962.

Nơi cư trú: Số nhà 04B, tổ MB, phường SB, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng;

"Có mặt tại phiên tòa".

2. Bị đơn: Bà Lã Thị Kim P - Sinh năm 1984.

Nơi cư trú: SN 04K, tổ 2H, phường SB, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng;

"Vắng mặt tại phiên tòa" (Có lý do: Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 20/10/2016 (Đơn sửa đổi, bổ sung ngày 19/12/2016) và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án lúc đầu nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà và chị Lã Thị kim P có mối quan hệ quen biết nhau, trước đây bà và chị P cùng bán hàng quần áo ở chợ trung tâm thành phố Cao Bằng. Cuối năm

2013 chị P đã vay tiền của bà nói là để mua hàng quần áo về bán kiếm lời và lo việc gia đình. Bà đã cho P vay ba lần tiền: Lần thứ nhất (ngày 07/12/2013) vay số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) có viết giấy vay tiền; không thỏa thuận lãi suất, thời hạn trả tiền trong hạn 10 ngày, chị P là người trực tiếp nhận tiền; Lần thứ 2 (Ngày 10/12/2013) vay số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) không viết giấy vay tiền, chỉ nói với nhau bằng miệng, không thỏa thuận lãi suất, thời hạn trả tiền trong hạn 03 ngày, chị P cũng là người trực tiếp nhận tiền với bà; Lần thứ ba (Ngày 15/12/2013) vay số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) cũng không viết giấy tờ, không thỏa thuận lãi suất, không thỏa thuận thời hạn trả tiền, lần này P là người hỏi vay nhưng người nhận tiền với bà là chồng P. Tổng cộng số tiền vay là 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng). Sau khi vay tiền của bà, đến ngày 22/12/2013 P có gửi cô Bé Thị Hoài K ở tổ 1H, phường SB để trả cho bà số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) và vào khoảng tháng 7 năm 2014 gia đình chồng P đã trả cho bà số tiền 40.000.000đ. Tổng số tiền đó bà đã nhận đủ.

Nhưng sau đó trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm bà T trình bày: Chị P có vay tiền của bà số tiền 80.000.000 đồng, vay bằng hai lần, việc vay mượn lần 1 vào ngày 07/12/2013 số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) có viết giấy vay tiền; không thỏa thuận lãi suất, thời hạn trả tiền trong hạn 10 ngày; Lần 2 (ngày 10/12/2013) số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) không viết giấy tờ vay, chỉ nói miệng với nhau, không thỏa thuận lãi suất, ấn định thời hạn thanh toán trong 03 ngày. Việc giao nhận tiền bằng tiền mặt, chị P là người trực tiếp nhận tiền, giao nhận tiền ngay sau khi viết giấy vay và thỏa thuận miệng, khi giao nhận tiền không có người làm chứng. Sau khi vay tiền của bà đến ngày 22/12/2013 P gửi cô Bé Thị Hoài K ở tổ 1H, phường SB để trả cho bà số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), số tiền đó bà đã nhận đủ. Số tiền P đã trả 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng chẵn) được tính trừ vào tiền gốc.

Sau khi hết thời hạn trả tiền trong giấy vay tiền và trong thỏa thuận P vẫn không trả số tiền còn nợ cho bà. Bà đã nhiều lần đòi và yêu cầu P trả nợ, P có hứa hẹn trả nhưng vẫn không trả nên P đã ghi cho bà giấy nhận nợ, ngày nhận nợ P ghi vào ngày 13/01/2014, tổng số tiền là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) đây là số tiền tổng thể của số tiền trên chốt lại (gồm cả khoản vay 40.000.000đ vì thời điểm đó gia đình chồng P chưa trả) giấy nhận nợ có chữ ký của người cho vay, người vay và có hai người làm chứng. Do bà đòi nợ nhiều quá nên P đã viết một lần giấy hẹn trả tiền vào ngày 13/01/2014, hẹn sẽ trả đợt 1 là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) vào ngày 30/12/2014 dương lịch. Đến tháng 7 năm 2014 gia đình chồng P đã trả đủ cho bà khoản tiền vay 40.000.000đ (Số tiền này được trừ vào tiền gốc đã vay), sau đó bà lấy được của P 2 lần tiền nữa, lần 1 vào ngày 30 tết (âm lịch) năm 2013 số tiền 500.000đ,

lần 2 vào sau tết dương lịch năm 2014 số tiền 200.000đ (Số tiền này bà không chấp nhận trừ vào tiền nợ gốc). Như vậy, số tiền P còn nợ bà là 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng) số tiền đó hoàn toàn là tiền nợ gốc.

Từ thời điểm đó đến nay chị P vẫn chưa thanh toán được khoản nợ nêu trên. Tại phiên tòa sơ thẩm bà chỉ khởi kiện đối với P. Yêu cầu P phải có trách nhiệm trả cho bà số tiền nợ gốc là 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng chẵn) và không yêu cầu tính lãi suất. Yêu cầu chị P phải thanh toán cho bà 01 lần hết toàn bộ số tiền trên, thời hạn thanh toán trong vòng 01 tháng kể từ ngày 29/5/2017 đến ngày 29/6/2017.

Đối với khoản vay 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) ở lần vay thứ ba (ngày 15/12/2013) P là người hỏi vay bà, nhưng người trực tiếp nhận tiền với bà là chồng P. Khoản tiền đó gia đình chồng P đã trả đủ cho bà vào tháng 7 năm 2014, bà không có yêu cầu gì đối với chồng P.

Tại bản tự khai ngày 09/3/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị P trình bày: Về mối quan hệ giữa P và bà T như bà T trình bày là đúng, P với bà T cùng bán hàng quần áo ở Chợ trung tâm thành phố Cao Bằng. Năm 2012 do công việc làm ăn thuận lợi, nên P cần tiền để nhập hàng, việc này bà T cũng biết và chủ động hỏi P có vay tiền không. P đồng ý và hai bên tiến hành việc vay mượn. Tổng số tiền vay trên giấy còn lãi suất là 10.000đ/1triệu/1 ngày. Có lúc cần gấp có thể là 20.000đ/1triệu/1 ngày hoặc 50.000đ/1triệu/1 ngày. Giữa P và bà T thực hiện việc vay mượn rất nhiều lần. Tổng số tiền P vay của bà T là 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng). Đến cuối năm 2013 do việc làm ăn khó khăn cộng thêm lãi suất cao P không có khả năng trả và bị vỡ nợ, ki ốt mà P bán hàng cũng phải nhượng lại cho người khác để trả nợ. Đến khoảng tháng 01/2014 được sự hỗ trợ của gia đình P đã trả được cho bà T số tiền 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng) trong đó có 40.000.000đ do bố mẹ chồng trả, 20.000.000đ (P đưa cho K trả hộ), P có viết giấy nợ lại là 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng) và hứa sẽ trả dần. P được viết giấy hẹn trả tiền 01 lần vào ngày 13/01/2014 như nguyên đơn trình bày (giấy hẹn trả tiền vay là do tôi viết), sau đó bà T có lấy của P số tiền 700.000đ (Bảy trăm nghìn đồng). Hiện tại bà T yêu cầu P trả số tiền nợ gốc là 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng), không yêu cầu tính lãi suất. P nhất trí và chấp nhận thanh toán số tiền nợ gốc 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng) như ý kiến đề nghị của bà T.

Tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn chị Lã Thị Kim P vắng mặt có lý do. Tuy nhiên tại bản tự khai ngày 09/3/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Lã Thị Kim P thừa nhận được vay tiền của bà Nguyễn Thị T nhiều lần với tổng số tiền 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng), chị P và gia đình đã trả cho bà T được 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng). Hiện còn nợ bà T 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng). Chị P nhất trí thanh toán số tiền trên cho bà T.

Quá trình giải quyết vụ án ngày 24/4/2017 chị P có đơn xin đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, đồng thời đề nghị xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa sơ thẩm chị P vắng mặt (có lý do) có đơn xin đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định của pháp luật Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị P.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng không tham gia phiên tòa. (Vì vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát phải tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi xem xét đầy đủ ý kiến trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị T có đơn đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng giải quyết yêu cầu chị Lã Thị Kim P phải có trách nhiệm thanh toán cho bà số tiền nợ gốc 60.000.000đ mà chị P còn nợ của bà. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn chị Lã Thị Kim P vắng mặt có lý do, có đơn xin đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định của pháp luật khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị Lã Thị Kim P.

Về nội dung vụ án: Giữa bà Nguyễn Thị T và chị Lã Thị Kim P có mối quan hệ quen biết, không có quan hệ họ hàng anh em. Chị P có được vay tiền bà T nhiều lần: Ngày 07/12/2013 chị P có vay bà T số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) việc vay mượn có viết giấy tờ, theo giấy vay tiền ngày 07/12/2013 không thỏa thuận lãi suất, có ấn định thời hạn thanh toán; Ngày 10/12/2013 chị P vay bà T số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) việc vay mượn không viết giấy tờ, chỉ nói miệng với nhau, không thỏa thuận lãi suất, có ấn định thời hạn thanh toán. Khi vay tiền chị P không thể chấp tài sản, đồ vật gì.

Đây là giao dịch vay tài sản (tiền) thuộc hợp đồng dân sự do hai bên đương sự tự nguyện thực hiện. Giao kết bằng lời nói và bằng văn bản. Khoản tiền vay 50.000.000đ được lập thành văn bản (Giấy tờ vay), có ấn định thời hạn vay, thời hạn thanh toán; Khoản vay 30.000.000đ không lập thành văn bản thỏa thuận miệng, có thỏa thuận thời hạn thanh toán. Khi vay các khoản vay bên vay đều không bảo đảm việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Giấy vay tiền ngày 07/12/2013 không có chữ ký của người cho vay tiền là do nhận thức của người cho vay, người vay cũng thừa nhận được vay số tiền đó. Người ký kết hợp đồng chị P là người có đủ năng lực hành vi dân sự. Việc giao dịch vay tiền giữa hai bên đương sự phù hợp với quy định của pháp luật.

Giữa hai bên có giao kết hợp đồng, có sự thỏa thuận khi giao kết. Tuy nhiên, khi đến thời hạn đó chị P đã không thanh toán cho bà T số tiền như đã thỏa thuận. Bà T đã nhiều lần yêu cầu chị P thanh toán nhưng chị P sau những lần khát nợ vẫn không thực hiện việc trả nợ được như cam kết. Nhận thấy quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm bà T đã khởi kiện việc không thanh toán khoản nợ của chị P đến Tòa án.

Vụ án không tiến hành hòa giải được do một trong các bên đương sự (là bị đơn bà Lã Thị Kim P) có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm bà T cho rằng: chị P có vay tiền của bà số tiền 80.000.000đồng vay bằng hai lần, việc vay mượn lần 1: Ngày 07/12/2013 số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) có viết giấy vay tiền; không thỏa thuận lãi suất, thời hạn trả tiền trong hạn 10 ngày; Lần 2 (ngày 10/12/2013) số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) không viết giấy tờ. Ngày 13/01/2014 P có được viết giấy nhận nợ và cùng ngày đó P đã viết một lần giấy hẹn trả tiền, hẹn sẽ trả đợt 1 là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) vào ngày 30/12/2014 dương lịch. Đến hết thời hạn chị P không thanh toán được hết số tiền trên cho bà T mà chỉ thanh toán được số tiền 20.000.000đồng (Số tiền này được trừ vào tiền nợ gốc) và một khoản tiền nữa là 700.000đ (Số tiền này bà không chấp nhận trừ vào tiền nợ gốc). Từ đó đến nay chị P chưa thanh toán thêm cho bà T bất kỳ khoản tiền nào. Nay bà T yêu cầu chị P phải thanh toán cho bà 01 lần hết toàn bộ số tiền nợ gốc 60.000.000đồng (không có tiền lãi). Thời hạn thanh toán trong vòng 01 tháng kể từ ngày 29/5/2017 đến ngày 29/6/2017.

Tại phiên tòa sơ thẩm chị P vắng mặt, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án chị P thừa nhận về việc có được vay tiền của bà T, vay bằng nhiều lần và cũng đã thanh toán được một phần số tiền gốc, khi trả không viết giấy tờ (gửi chị K trả giúp); Đến ngày 13/01/2014 có được viết giấy nhận nợ (chốt nợ), đồng thời vào cùng thời điểm đó (ngày 13/01/2014) có viết giấy hẹn trả số tiền chốt nợ trên, đợt 1 là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) trả vào ngày 30/12/2014 dương lịch. Chị P cũng thừa nhận đã trả được cho bà T số tiền là 20.000.000đồng (Hai mươi triệu đồng). Số tiền này được hai bên chấp nhận trừ vào số tiền gốc sẽ phải thanh toán. Chị P chấp nhận thanh toán số tiền gốc còn lại 60.000.000đồng theo như hợp đồng vay tiền và thỏa thuận vay tiền bằng miệng.

Trong quá trình giải quyết vụ án hai bên đương sự đã thống nhất được số tiền nợ gốc là 60.000.000đồng (Sáu mươi triệu đồng) và không có tiền lãi (do nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất). Vì vậy Tòa án có đầy đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, buộc chị Lã Thị Kim P phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị T số tiền nợ gốc 60.000.000,đ (Sáu mươi triệu đồng).

Trong giấy vay tiền ngày 07/12/2013 và trong thỏa thuận miệng các bên đương sự không thỏa thuận lãi suất đối với số tiền vay. Quá trình giải quyết vụ án bà T cũng không yêu cầu chị P phải trả tiền lãi suất, chị P nhất trí. Xét thấy, việc nguyên đơn (Bà T) không yêu cầu tính lãi suất và bị đơn (Chị P) nhất trí với ý kiến của nguyên đơn, sự thống nhất của các đương sự về việc không tính lãi suất là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận.

Như vậy, tổng số tiền gốc chị P phải thanh toán cho bà T là 60.000.000đồng (Sáu mươi triệu đồng).

Khi yêu cầu khởi kiện của bà T về việc đòi tiền vay được chấp nhận thì theo quy định của pháp luật chị Lã Thị Kim P sẽ phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch để sung công quỹ Nhà nước, cụ thể chị P sẽ phải chịu tiền án phí là 3.000.000đ (Ba triệu đồng chẵn) ($60.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 3.000.000 \text{ đồng}$).

Bà T sẽ được hoàn lại khoản tiền tạm ứng án phí là 1.500.000đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) đã nộp ngày 03/01/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng theo biên lai số AA/2014/0000491.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào các Điều 401, 402, 471, 474 và Điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Thông tư liên tịch 01/TTLT ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao, Bộ tư pháp, Bộ tài chính hướng dẫn việc xét xử và thi hành án về tài sản.

1. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T đối với chị Lã Thị Kim P. Buộc chị Lã Thị Kim P (Trú tại: Số nhà 04K, tổ 2H, phường SB, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng) phải có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Thị T (Trú tại: Số nhà 04B, tổ MB, phường SB, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng) số tiền nợ gốc là 60.000.000đồng (Sáu mươi triệu đồng chẵn).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, ngày bà Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền nếu chị Lã Thị Kim P không thanh toán khoản tiền trên thì hàng tháng chị Lã Thị Kim P còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị T được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí là 1.500.000đồng (Một triệu năm

trăm nghìn đồng) đã nộp ngày 03/01/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng theo biên lai số AA/2014/0000491.

- Chị Lã Thị Kim P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 3.000.000đồng (Ba triệu đồng chẵn) để sung công quỹ nhà nước.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa (Có lý do) có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh CB;
- VKSND TPCB;
- THADS TPCB;
- Đ-ơng sự;
- L-u hồ sơ;
- L-u án văn.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thúy Hằng

